ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:2946 /QĐ-UBND	*Hoằng Hóa, ngày 24 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, Xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Hoằng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND huyện Hoằng Hóa về việc Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 về việc phê duyệt Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 432/BCTĐ-KTHT ngày 17/72024 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa kèm theo Tờ trình số 59/TTr-QLDA ngày 17/7/2024 của Ban QLDA quy hoạch xây dựng huyện Hoằng Hóa, Văn bản số 4686/SXD-PTĐT của sở Xây dựng Thanh Hóa ngày 27/6/2024 về việc tham gia ý kiến về quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa.

2. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a. Phạm vi ranh giới

Thuộc địa giới hành chính xã Hoằng Cát, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất sản xuất nông nghiệp;
- Phía Nam: Giáp đường huyện ĐH-HH.14 (đường Hoằng Xuyên-Hoằng Quỳ);
- Phía Đông: Giáp đường huyện ĐH-HH.05;
- Phía Tây giáp: Giáp đất sản xuất nông nghiệp

b. Diện tích lập quy hoạch

- Diện tích lập quy hoạch: 118.897,92m^2.
- Quy mô dân số dự kiến: Khoảng 1.400 người.

3. Tính chất, chức năng

- Là khu dân cư nông thôn thuộc xã Hoằng Cát với các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được xây dựng tương đối đồng bộ.

- Các chức năng chủ yếu: Đất ở, đất công cộng, đất cây xanh, đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân trong tương lai.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

4.1. Các chỉ tiêu về sử dụng đất

- Đất ở đạt: 30,5m^2/người;
- Đất cây xanh công cộng đạt: 6,62m^2/người;
- Đất bãi đỗ xe đạt: 1,01m^2/người;

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật đạt: 35,66m^2/người với tỷ lệ đất giao thông đạt 41,99%.

4.2. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Mặt đường (tối thiểu) 7,5m; Vỉa hè (tối thiểu) 5m;
- Cấp điện: Tổng nhu cầu cấp điện 505,8KVA;
- Cấp nước: Tổng nhu cầu cấp nước 202m^3/ng.đ. Trong đó, cấp nước sinh hoạt đạt 100 lít/người-ng.đ;
- Thoát nước thải: 183,5m^3/ng.đ (bằng 100% nước cấp sinh hoạt); Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Xử lý chất thải rắn: Tổng khối lượng CTR phát sinh khu vực khoảng 1,26 tấn/ngày. Chỉ tiêu: 0,9kg/người.ngày-đêm.
- Rác thải: Thu gom và xử lý 100%;
- Viễn thông thụ động: 351 đường dây thuê bao.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng Quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Kí hiệu	Số lô	Diện tích (m2)	Mật độ Xd tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số Sdđ	tỷ lệ
1	**Đất nhà ở**			**42.696,32**				**35,91**
1.1	***Đất nhà ở chia lô***	***lk***	***351***	***42.696,32***				**35,91**
	- Ở chia lô 1	LK1	20	2.411,00	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 2	LK2	18	2.171,00	80	4	3,2	1,83
	- Ở chia lô 3	LK3	18	2.171,00	80	4	3,2	1,83
	- Ở chia lô 4	LK4	20	2.411,00	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 5	LK5	20	2.411,00	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 6	LK6	18	2.171,00	80	4	3,2	1,83
	- Ở chia lô 7	LK7	18	2.171,00	80	4	3,2	1,83
	- Ở chia lô 8	LK8	20	2.411,00	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 9	LK9	21	2.805,57	70÷80	4	3,2	2,36
	- Ở chia lô 10	LK10	20	2.400,00	80	4	3,2	2,02
	- Ở chia lô 11	LK11	20	2.411,00	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 12	LK12	14	1.849,34	60÷80	4	3,2	1,56
	- Ở chia lô 13	LK13	20	2.400,00	80	4	3,2	2,02
	- Ở chia lô 14	LK14	20	2.411,00	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 15	LK15	22	2.651,00	80	4	3,2	2,23
	- Ở chia lô 16	LK16	19	2.488,15	70÷80	4	3,2	2,09
	- Ở chia lô 17	LK17	22	2.418,25	80	4	3,2	2,03
	- Ở chia lô 18	LK18	21	2.534,01	60÷80	4	3,2	2,13
2	**Đất cây xanh công cộng**			**9.267,20**				**7,79**
	- Cây xanh CV 1	CX1		2.416,15	5.00	1	-	2,03
	- Cây xanh CV 2	CX2		5.865,85	5.00	1	-	4,93
	- Cây xanh CV 3	CX3		644,65	5.00	1	-	0,54
	- Cây xanh CV 4	CX4		340,55	5.00	1		0,29

3	**Đất hạ tầng kĩ thuật**			**4.426,40**				**3,72**
	- Bãi đỗ xe 1	P1		717,32	-	-	-	0,60
	- Bãi đỗ xe 2	P2		699,83	-			0,59
	- Hành lang kĩ thuật			3009,25				2,53
4	**Đất mặt nước**	**mn**		**12.578,15**				**10,58**
	- Mặt nước 1	MN1		10.200,64	-	-	-	8,58
	- Mặt nước 2	MN2		2.377,51	-	-	-	2,00
5	**Đất giao thông**			**49.929,85**		-	-	**41,99**
Tổng				**118.897,92**				**100,00**

6. Giải pháp phân bố quỹ đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

6.1. Giải pháp phân bố quỹ đất

- Đất nhà ở chia lô (liền kề): Diện tích 42.696,32m^2 được chia làm 351 lô, diện tích từ 108,0-233,02m^2/lô, mật độ xây dựng tối đa 60-80% tùy theo diện tích từng lô đất *(cụ thể trong bản vẽ đồ án quy hoạch)*, tầng cao xây dựng tối đa 04 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 3,2 lần.

- Đất cây xanh: Tổng diện tích 9.267,20m^2 là không gian mở, lõi xanh của khu vực, bao gồm cây xanh, đường dạo, sân thể thao được xây dựng xung quanh trung tâm khu vực quy hoạch.

- Hồ điều hòa, cảnh quan: Diện tích mặt nước 10.200,64 m^2 là khu vực điều hòa vi khí hậu, tiếp nhận nguồn nước mưa và kiến tạo không gian thiên nhiên. Hồ điều hòa được xây dựng có hệ thống đường dạo quanh hồ và cầu cảnh quan kết hợp kênh tưới N13.

- Đất hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe: có tổng diện tích 4.426,40 m^2 gồm bãi đỗ xe có diện tích 1.417,15 m^2 và đất hành lang kỹ thuật xen giữa các ô đất liên kế.

- Đất giao thông: có diện tích 49.929,85m^2 được thiết kế theo dạng ô bàn cờ kết nối các khu chức năng trong khu vực.

6.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Khu nhà ở: Gồm loại hình chức năng nhà ở chia lô được xây dựng đồng bộ, khớp nối với hệ thống hạ tầng xung quanh.

- Khu cây xanh, vườn hoa: Bố trí các khu vực như đường dạo bộ, sân thể dục thể thao cộng đồng, không gian nghỉ ngơi.

- Khu hồ điều hòa, cảnh quan: Được xây dựng hiện đại, phù hợp với cảnh quan chung đồng thời đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

- Bãi đỗ xe: là khu vực công cộng đáp ứng nhu cầu đỗ xe của người dân.

- Mạng lưới giao thông: Tổ chức linh hoạt, tiện lợi cho đi lại, vỉa hè rộng tạo không gian đi bộ cho toàn dự án.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a. Quy hoạch san nền

- San nền dựa trên nguyên tắc tuân thủ độ dốc sẵn có của địa hình và cảnh quan thiên nhiên, đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của những đường giao thông dự kiến trong quy khu quy hoạch.

- Biện pháp san nền chính là đắp. Hướng dốc và lưu vực thoát nước không thay đổi so với hiện trạng. Cao độ khống chế về cơ bản là tuân thủ theo hiện trạng.

- Nền chủ yếu là nền đắp, hướng dốc san nền phù hợp với hướng tiêu thoát nước mưa, dộ dốc san nền tối thiểu 0,5%.

* Về cao độ nền khống chế:

+ Cao độ nền khu vực lớn nhất: +3,75m

+ Cao độ nền khu vực nhỏ nhất: +3,35m

* Hồ điều hòa và cảnh quan: Cải tạo đoạn mương tiêu Lý Cát đoạn qua khu vực để tạo hồ điều hòa; cao độ đáy hồ +1,00m; kè hồ 2 cấp mái dốc 1:1,5

b. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước chính theo hướng Bắc Nam từ đó thoát ra mương tiêu Lý Cát.

- Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, độ dốc thiết kế đủ lớn sao cho tốc độ chảy trong cống tăng khả năng tự làm sạch: $i \geq imin = 1/D$.

- Mạng lưới cống thoát được bố trí phân tán để giảm kích thước đường cống; mạng lưới thoát nước mưa được sử dụng chủ yếu là cống BTCT đúc sẵn, đường kính cống từ D600 đến D1000 được đặt ngầm dưới đường với hệ thống ga thu, ga thăm được xây dựng đồng bộ (khoảng cách trung bình 25-30m/ga), đảm bảo yêu cầu tiêu thoát nước cho khu vực lập quy hoạch.

* Hệ thống mương tưới Kênh N13 đoạn qua khu vực được chia làm 02 đoạn: đoạn qua đường giao thông được hạ ngầm; đoạn qua hồ điều hòa có kiến trúc dạng cầu máng kết hợp đường dạo bộ cảnh quan nhằm đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và mỹ thuật.

7.2. Quy hoạch giao thông

Mạng lưới giao thông trong khu vực được thiết kế với các quy mô mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 1-1: Lộ giới 54,0m (Bm=2x11,5m+2x7,5m=38m; Bvh=2x5,0=10,0m; Bpc=3,0m+2x1,5=6,0m);

- Mặt cắt 2-2: Lộ giới 47,0m (Bm=2x8,0m+2x7,5=31,0m; Bvh=2x5,0=10,0m; Bpcg=3,0+2x1,5=6,0m);

- Mặt cắt 3-3: Lộ giới 27,5m (Bm=2x8,0m=16,0; Bvh=2x5,0=10,0m; Bpcg=1,5m).

- Mặt cắt 4-4: Lộ giới 18,0m (Bm=8,0m; Bvh= 2x5,0=10,0m).

7.3. Quy hoạch cấp nước

a) Giải pháp nguồn nước

- Nguồn nước cấp cho khu vực được lấy từ đường ống cấp nước hiện trạng từ nhà máy nước của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Hoằng Hóa (đường ống cấp dọc đường Quỳ Xuyên).

- Nhu cầu cấp nước của dự án khoảng 202 m^3/ngđ.

b) Giải pháp mạng lưới đường ống cấp nước

- Giải pháp mạng lưới được chọn là mạng vòng kết hợp mạng cụt cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hoả và mọi nhu cầu khác.

- Tuyến chính sử dụng ống HDPE D110 để phân phối và phục vụ công tác cứu hỏa, đường ống cấp nước qua đường được bảo vệ bằng ống thép D150.

- Các tuyến nhánh dịch vụ sử dụng ống HDPE D63, đường ống cấp nước qua đường được bảo vệ bằng ống thép D75.

- Độ sâu chôn ống phụ thuộc độ dốc đường, trung bình chôn sâu 0,5m so với mặt hè.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng

a) Nguồn cấp điện

- Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ đường dây trung thế (đường dây 35Kv) hiện có giáp khu vực quy hoạch.

- Tổng nhu cầu cấp điện của khu vực lập quy hoạch khoảng 505,8 KVA.

b) Lưới điện

* Đường dây trung thế: Di chuyển đồng thời hoàn trả tuyến trung thế hiện có trong khu vực. Tuyến trung thế đi ngầm dọc các trục giao thông cấp điện cho trạm biến áp mới, điểm đấu trung thế từ cáp trung thế phía Nam khu vực lập quy hoạch.

Tuyến trung thế được thiết kế theo cấp điện áp 35/22KV đi ngầm dọc theo các trục đường giao thông nội khu. Cáp đi ngang qua đường cần được luồn trong ống thép chịu lực D100- D150 để đảm bảo an toàn.

** Đường dây hạ thế*

- Xây dựng đường điện hạ thế 0,4KV cấp điện cho toàn bộ khu quy hoạch. Đường dây cấp điện được đi ngầm dưới vỉa hè.

c) Trạm điện

Xây dựng mới 02 TBA công xuất 320KVA và 400KVA để đáp ứng nhu cầu cấp điện cho toàn khu vực. *(Trong đó TBA phía Đông đã tính toán cộng thêm công xuất trạm biến áp hiện trạng)*

d) Tủ điện

- Tủ điện chiếu sáng được bố trí riêng. Sử dụng tủ chế tạo sẵn chuyên dụng trên thị trường, được bố trí riêng đầu đường dây cấp điện.

e) Điện chiếu sáng

- Đường giao thông, khu cây xanh, công cộng được chiếu sáng bằng các cột đèn chiếu sáng. Sử dụng trụ thép bố trí trên vỉa hè, khu cây xanh; bóng đèn Led, công suất 150W.

7.5. Quy hoạch viễn thông thụ động

- Nguồn cấp: Đấu nối với hệ thống bưu chính - viễn thông của huyện Hoằng Hóa.

- Thiết kế tủ với công suất 351 đường dây thuê bao.

- Mạng lưới thông tin liên lạc thiết kế là mạng thông tin đi ngầm trên vỉa hè đường giao thông trong khu dân cư và được bảo vệ bởi đường ống HDPE D50

8. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, vệ sinh môi trường

8.1. Quy hoạch thoát nước thải

- Lượng nước thải sinh hoạt trong khu vực quy hoạch lấy bằng 100% lượng cấp nước sinh hoạt.

- Công suất bể xử lý nước thải 183,5 m^3/ngđ.

- Mạng lưới thoát nước thải sử dụng hệ thống mạng lưới riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được thu gom thông qua hệ thống cống tròn D300 tới bể XLNT đặt tại khu vực phía Tây Bắc và Đông Nam của hồ điều hòa.

Trong giai đoạn trước mắt, khi xã Hoằng Cát chưa xây dựng được Trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải sau khi xử lý tại bể XLNT đạt quy chuẩn môi trường và được đấu nối vào mương tiêu Lý Cát. Sau khi trạm XLNT tập trung của xã Hoằng Cát được xây dựng, nước thải sau khi xử lý tại bể XLNT được đấu nối với hệ thống đường ống thu gom nước thải khu vực, đến trạm XLNT tập trung.

8.2. Vệ sinh môi trường

- Chất thải rắn khu được thu gom bằng các thùng rác kép (gồm 1 thùng đựng CTR hữu cơ màu xanh và 1 thùng đựng CTR vô cơ màu vàng) để dễ dàng phân loại và tái chế khi thu gom. Đặt dọc theo các tuyến đường giao thông và các khu vực công cộng (khoảng cách từ 100-200m).

- CTR được thu gom hằng ngày bằng xe chuyên dụng để vận chuyển đến trạm trung chuyển CTR và được vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của huyện Hoằng Hóa để xử lý.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá các quá trình thi công, xây lắp đến mức tối đa. Sử dụng các phương tiện vận tải, cơ giới có chỉ số kỹ thuật cao, đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Tổ chức thi công hợp lý, có các biện pháp bảo vệ, an toàn lao động, bảo vệ sức khoẻ con người và vệ sinh môi trường. Thi công theo đúng trình tự xây dựng, công trình ngầm làm trước, phần nổi làm sau, công trình hạ tầng kỹ thuật chính làm trước, công trình kiến trúc làm sau.

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý và đạt tiêu chuẩn quy định trước khi đưa vào mạng đường ống thoát chung. Chất thải rắn được thu gom và xử lý hàng ngày. Tỷ lệ thu gom vận chuyển

100% lượng rác thải. Giảm phát sinh chất thải từ các hộ gia đình, khuyến khích thu nhặt, tái tuần hoàn chất thải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban QLDA quy hoạch xây dựng huyện Hoằng Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, phối hợp UBND xã Hoằng Cát tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Phối hợp UBND xã Hoằng Cát tổ chức cắm mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tim tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức bàn giao hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Đức Thành và Nam Thọ, xã Hoằng Cát, huyện Hoằng Hóa cho Sở Xây dựng, UBND xã Hoằng Cát làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

2. UBND xã Hoằng Cát tổ chức công bố công khai quy hoạch trên trang thông tin điện tử xã, tại các nhà văn hóa thôn để nhân dân biết, kiểm ttra giám sát và thực hiện.

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và số liệu thẩm định, trình phê duyệt; có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo quy định.

4. Các phòng ban chức năng liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Hoằng Hóa; Trưởng Ban quản lý dự án quy hoạch xây dựng huyện Hoằng Hóa; Chủ tịch UBND xã Hoằng Cát và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA T. THANH HÓA

Hoàng Ngọc Dự